

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 29-4-2025  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngoan.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

Bà Lê Thị Hồng Loan.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Đường N, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Sơn Hoàng K, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Sơn Hoàng K tự nguyện chung sống và tổ chức lễ cưới vào tháng 04/2016, đến ngày 20/11/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị T và anh K sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh K; về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh K có một người con chung tên là Sơn Gia B, sinh ngày 01/4/2017, hiện nay cháu B đang sống chung với anh K. Chị T yêu cầu giao con chung là Sơn Gia B cho anh K nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị T và anh K không có tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2017, họ và tên chồng Sơn Hoàng K, sinh năm 1997, họ và tên vợ Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1996 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp, ngày đăng ký 20/11/2017 (bản chính); Giấy khai sinh số 208/2017, họ và tên Sơn Gia B, sinh ngày 01/4/2017, họ và tên mẹ Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1996, họ và tên cha Sơn Hoàng K, sinh năm 1997, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, ngày đăng ký 29/11/2017 (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Sơn Hoàng K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh K không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh K vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Lý Thị N ngày 26/3/2025, bà N trình bày: Anh Sơn Hoàng K là con ruột của bà N, anh K đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh K không đồng ý đến Tòa án vì bận đi làm. Trong quá trình chung sống anh K và chị T có một con chung là Sơn Gia B, sinh ngày 01/4/2017, hiện nay cháu B đang sống chung với bà và anh K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật về tổ tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị T ly hôn với anh K; về con chung: giao con chung là Sơn Gia B cho anh K nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Sơn Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị T. Chị T và anh K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2023 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị T và anh K không chung sống cùng nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị T được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét yêu cầu của chị T về con chung. Cháu Sơn Gia B, sinh ngày 01/4/2017 hiện đang sống chung với anh K, anh K đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt

cháu B, cháu B được đi học đúng độ tuổi, cháu B có nguyện vọng sống với cha ruột là anh K. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Sơn Gia B cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo thành N1. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T không ai được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh K. Chị T không cấp dưỡng nuôi con, anh K không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, anh K không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K không chịu án phí; chị T phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T.

1. Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Sơn Hoàng K ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Sơn Gia B, sinh ngày 01/4/2017 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo thành N1. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị T không ai được cản trở. Chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh K. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh K không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K không phải chịu án phí; chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006909 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**